

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2020/DS-ST

Ngày: 07/10/2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Thùy
2. Bà Hoàng Thị Hiền

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 10 năm 2020 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 85/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-DS ngày 04-9-2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị C, sinh năm: 1983 – có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Đắc Nông

- Bị đơn: chị Th, sinh năm: 1969 – vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B xã W, huyện L, tỉnh Đắc Nông

- Những người làm chứng: chị L, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn C, xã W, huyện L, tỉnh Đắc Nông.

anh N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện L, tỉnh Đắc Nông.

chị T, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Đắc Nông

anh N, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện L, tỉnh Đắc Nông.

chị Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn F, xã T, huyện L, tỉnh Đắc Nông

(tất cả những người làm chứng đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06-5-2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị C trình bày: Do cho quen biết với nhau nên chị C có cho chị T vay tiền để phục vụ cho việc làm ăn, đảo hạng Ngân hàng và hứa hẹn sẽ trả khi chị C cần tiền. Vay thành nhiều lần trong đó có chuyển khoản và đưa tiền mặt với tổng số tiền chị C cho chị Thoa vay là 2.506.000.000đồng.

Chị C đã trực tiếp chuyển số tiền vào tài khoản của chị T 1.186.000.000đồng, cụ thể như sau: Ngày 01-7-2019 tại Ngân hàng A chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) số tiền 100.000.000đồng; ngày 09-7-2019 tại Ngân hàng A chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) số tiền 90.000.000đồng; ngày 22-7-2019 tại Ngân hàng A chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) số tiền 50.000.000đồng; ngày 30-7-2019 tại cây ATM Ngân hàng B chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) (04 lần mỗi lần 25.000.000đ) số tiền 100.000.000đồng; ngày 5-8-2019 tại Ngân hàng A chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) số tiền 100.000.000đồng; ngày 21-8-2019 tại Ngân hàng A chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) số tiền 50.000.000đồng; ngày 18-9-2019 tại Ngân hàng B chị C có chuyển cho qua số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) số tiền 6.000.000đồng; ngày 10-10-2019 tại Ngân hàng A chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) số tiền 200.000.000đồng; ngày 11-10-2019 tại Ngân hàng A chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) số tiền 150.000.000đồng; ngày 01-11-2019 tại Ngân hàng A chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) số tiền 100.000.000đồng; ngày 16-11-2019 tại Ngân hàng A chị C có nhờ bà Th chuyển vào số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) số tiền 100.000.000đồng; ngày 20-11-2019 tại Ngân hàng A chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) số tiền 140.000.000đồng;

Số tiền chị C cho chị T vay đưa trực tiếp bằng tiền mặt, hai bên có viết bằng giấy tờ tay với nhau có chữ ký của bà T với tổng số tiền là 1.320.000.000đồng, cụ thể: Ngày 26-7-2019 chị T mượn 100.000.000đồng; ngày 22-9-2019 chị T mượn 100.000.000đồng; ngày 30-10-2019 chị T mượn 150.000.000đồng; ngày 05-11-2019 chị T mượn 200.000.000đồng; ngày 08-11-2019 chị T mượn 270.000.000đồng; ngày 16-12-2019 chị T mượn 500.000.000đồng.

Trong quá trình mượn tiền thì chị T đã trả cho chị C được tổng số tiền là 1.240.500.000đồng, cụ thể: Chị T chuyển khoản trả cho chị C là 620.500.000đồng, cụ thể như sau: Ngày 17-7-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 50.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C) tại Ngân hàng B; ngày 25-7-2019 chị T chuyển trả cho chị C 03 lần tổng số tiền 146.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C) tại Ngân hàng B; ngày 29-8-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 53.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C) tại Ngân hàng B(chuyển trả 02 lần; ngày 10-9-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 4.500.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C) tại Ngân hàng B; ngày

29-10-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 118.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C) tại Ngân hàng B (chuyển trả 03 lần); ngày 5-11-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 102.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C) tại Ngân hàng B; ngày 12-11-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 50.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C) tại Ngân hàng B; ngày 26-11-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 50.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C) tại Ngân hàng B; ngày 6-12-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 32.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C) tại Ngân hàng B; ngày 14-12-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 5.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C) tại Ngân hàng B; ngày 27-02-2020 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 4.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C) tại Ngân hàng B; ngày 5-3-2020 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 6.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C) tại Ngân hàng B.

Số tiền chị T trả tiền mặt cho chị C là 620.000.000đồng, cụ thể như sau: Chị T trả cho chị C tại quán Com Quê, thị trấn Đ, huyện L là 300.000.000đồng; anh V (tên gọi khác S) người nhà của bà T trả cho chị C số tiền 210.000.000đồng; chị T có nhờ người nhà là chị L trả cho chị C số tiền 25.000.000đồng tại cây xăng 36 ở xã T, huyện L; chị T có nhờ người là chị T trả cho chị C số tiền là 35.000.000đồng; chị T nhờ anh N trả cho chị C số tiền là 50.000.000đồng. Đối với số tiền 10.500.000đồng mà anh N khai là bà T chuyển trả cho chị C là không đúng mà bà T chuyển cho anh N làm gì thì C không biết, chị C chỉ nhận thực số tiền từ bà T nhờ anh N trả là 50.000.000đồng. Khi chị T trả tiền mặt cho chị C thì hai bên không viết giấy tờ gì.

Hiện nay chị T còn nợ lại chị C số tiền 1.265.500.000đồng, chị C đã đòi nhiều lần nhưng chị T trốn tránh, hứa hẹn nhiều lần nhưng đến nay vẫn không trả. Nay chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp buộc chị T phải trả cho chị C số tiền là 1.265.500.000đồng tiền gốc. Đối với số tiền lãi suất thì trong đơn khởi kiện chị C có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả cho chị C tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nay chị C tự nguyện rút phần yêu cầu tiền lãi suất.

- Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có ý kiến trình bày: Chị T biết chị C qua mối quan hệ của chị T là hàng xóm của chị C. Chị T có vay của chị C nhiều lần (thời gian cụ thể thì không nhớ nhưng khoảng từ tháng 7 năm 2019 cho đến tháng 11 năm 2019) tổng số tiền là 1.320.000.000đồng. Tất cả những lần vay tiền chị T đều viết giấy vay tiền đưa cho chị C giữ, hiện nay chị T không còn giữ giấy vay nào. Chị T vay không có thời hạn nhưng hai bên thỏa thuận với nhau khi nào chị C cần tiền thì chị T phải có trách nhiệm trả mọi lúc mọi nơi bất cứ hình thức nào miễn sao là trả (trả trực tiếp tiền mặt hoặc trả qua chuyển khoản tại Ngân hàng).

Chị T đã trả cho chị C số tiền mặt cụ thể như sau: về thời gian trả cụ thể thì chị T không nhớ nhưng chị T trả cho chị C tại quán Com Quê, thị trấn Đ là 300.000.000đồng; chị C có lên nhà chị T lấy 150.000.000đồng tiền mặt; khoảng tháng 8 năm 2019 chị T có nhờ tài xế V (tên gọi khác là S) có trả giúp số tiền là 210.000.000đồng; khoảng tháng 8 năm 2019 chị T có nhờ chị L trả giúp số tiền là 25.000.000đồng, trả tại cây xăng 36, xã T; tháng 01 năm 2020 chị T có nhờ chị T trả

số tiền là 35.000.000đồng, những lần trả trên không có giấy tờ gì nhưng chị C đã thừa nhận; tháng 12 năm 2019 chị T có nhờ tài xế Taxi anh N ở C lúc khoảng 7- 8 giờ sáng ngày tháng năm chị T không nhớ, chị T nhờ N chở xuống trường học H ở Đ để trả số tiền là 375.000.000đồng cho chị C, chị T và anh N đứng đợi 5 phút thì chị C ra lấy túi tiền rồi đi vào trường học, chỉ đưa tiền cho chị C nhưng không viết giấy tờ gì; ngày 26-01-2020 chị T có nhờ anh N trả số tiền là 50.000.000đồng cho chị C và 10.500.000đồng chị T đã chuyển khoản cho anh N, tổng cộng là 60.500.000đồng.

Chị T có chuyển khoản trả qua Ngân hàng A từ ngày 25-7-2019 đến ngày 15-3-2020 là 661.500.000đồng; chuyển khoản tại Ngân hàng B là 3.000.000đồng; ngoài ra chị T đã trả số tiền trong giấy nợ của chị C trước là 10.000.000đồng. Vậy tổng số tiền tôi đã trả cho bà C là 1.830.000.000đồng. Hiện nay chị T không có giấy tờ gì chứng minh đủ số tiền chị T đã trả, nay chị C thừa nhận bao nhiêu thì chị T nhờ bấy nhiêu. Số tiền trả này chị T cho rằng đã trả cho chị C rất nhiều lần bằng tiền mặt mọi lúc, mọi nơi, cứ 10 ngày, 15 ngày. chị T chấp nhận mất vì chị C không chịu với những lần chị T đã trả giữa hai người mà không có giấy tờ gì. Nay chị C khởi kiện buộc chị T phải trả số tiền gốc là 1.265.500.000đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật thì chị T hoàn toàn không đồng ý. Vì chị T cho rằng đã trả hết tiền vay cho chị C rồi, khi vay thì chị C có bắt chị T phải viết giấy vay theo từng lần vay, sau khi chị T viết giấy vay thì chị C mới đưa tiền cho chị T qua hình thức chuyển khoản và đưa tiền mặt. Nay chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng chị T trình bày: Việc cho vay mượn tiền giữa chị C với chị T như thế nào thì chị T không biết. Nhưng ngày 11-01-2020 thì chị T có đến 01 bộ xi men và 01 vòng đeo cổ, quy ra tổng số vàng là 1,6 cây vàng 18K, tổng số tiền là 35.000.000đồng (chị T trực tiếp cầm 01 bộ xi men và 01 vòng đeo cổ lấy số tiền 35.000.000đồng) nhờ chị T đưa trực tiếp cho chị C số tiền 35.000.000đồng bằng tiền mặt, số tiền này chị T trả cho chị C, chị C là người trực tiếp nhận số tiền 35.000.000đồng, không viết giấy tờ gì.

Anh N trình bày: Việc cho vay mượn tiền giữa chị C với chị T như thế nào thì anh N không biết. Nhưng ngày 26-12-2019 thì chị T có nhờ anh N chuyển cho chị C số tiền 50.000.000đồng bằng tiền mặt, anh N trực tiếp gặp chị C để đưa số tiền 50.000.000đồng mà chị T nhờ trả, tuy nhiên khi tôi gặp chị C thì chị C nói là trả bớt cho anh N 50.000.000đồng (vì chị C có nợ anh N 200.000.000đồng), được xem như chị C đã nhận số tiền của chị T trả là 50.000.000đồng, các bên không viết giấy tờ gì; về thời gian cụ thể thì tôi không nhớ nhưng khoảng tháng 4 năm 2020 chị C yêu cầu chị T chuyển cho tôi số tiền 10.500.000đồng chuyển thành 02 lần. Số tiền này chị C trả cho anh Nam, các bên không viết giấy tờ gì. Như vậy tổng số tiền là 60.500.000đồng, số tiền này là tiền chị T trả nợ cho chị C.

Chị L trình bày: Việc cho vay mượn tiền giữa chị C với chị T như thế nào thì chị L không biết. Nhưng khoảng tháng 8 năm 2019 chị T có nhờ chị L trả giúp số tiền là 25.000.000đồng, trả tại cây xăng 36, xã T, chị C là người trực tiếp nhận, ngoài ra tôi không biết gì thêm.

Chị Th trình bày: Việc cho vay mượn tiền giữa bà C với bà T như thế nào thì tôi hoàn toàn không biết. Nhưng ngày 16-11-2019 thì chị C có mượn tôi số tiền là 100.000.000đồng. Mục đích chị C mượn tiền là để cho người khác mượn lại (chị C nói là có chị gái cần 100.000.000đồng để chị đó có việc, thời gian mượn khoảng 2 đến 3 ngày). Qua sự việc trao đổi trên thì chị Th không có sẵn tiền mặt nên chị C đưa số tài khoản của một người không quen biết là 63510000290181, ngay sau đó vào lúc 9 giờ 56 phút 13 giây ngày 16-11-2019 chị Th chuyển đủ số tiền 100.000.000đồng từ số tài khoản của chị Th là 5303205013460 đăng ký tại Ngân hàng B qua số tài khoản 63510000290181 mà chị C đưa (chuyển tiền trên điện thoại của chị Th số điện thoại là 0935020799). Sau khi chuyển tiền xong thì chị C có nói là bên kia đã nhận được rồi, ngoài ra không biết gì thêm.

Anh N trình bày: Vào ngày cụ thể thì anh N không nhớ nhưng khoảng tháng 12 năm 2019 (âm lịch), anh N có chở chị T từ xã W đến trường tiểu học H, tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Đắk Nông. Khi chở đến địa điểm chị T yêu cầu trên chị T đi đâu, làm gì và gặp ai thì anh N hoàn toàn không biết. Ngoài ra anh N không cung cấp và biết gì thêm.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đối với số tiền vay thể hiện bằng giấy viết tay, quá trình giải quyết vụ án, chị T thừa nhận có vay của chị C số tiền 1.320.000.000 đồng như chị C trình bày nên tình tiết này không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với số tiền 1.186.000.000 đồng mà chị C chuyển khoản vào tài khoản của chị T, chị T trình bày số tiền này là do chị C chuyển cho bà sau khi chị C và chị T ký giấy vay tiền. Tuy nhiên, số tiền mỗi lần chuyển khoản so với số tiền viết trên giấy vay tiền là khác nhau, tổng số tiền chuyển khoản và tổng số tiền trên giấy vay cũng khác nhau. Tòa án đã tiến hành đối chất nhưng lời trình bày của chị T và lời trình bày của chị T vẫn không thống nhất. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời khai của chị T. Số tiền đã trả, chị C thừa nhận chị T đã trả được tổng số tiền là 1.240.500.000đồng, chị T trình bày là đã trả được 1.830.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận lời khai của chị T. Đối với yêu cầu về tiền lãi, chị C đã rút nên cần đình chỉ theo Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên, có đủ căn cứ để xác định: Từ ngày 01/7/2019 đến ngày 20/11/2019, chị T đã nhiều lần vay tiền của chị C với tổng số tiền là 2.506.000.000 đồng. Khi vay, các bên thỏa thuận khi nào chị C yêu cầu thì chị T phải trả. Đến nay, chị C đã yêu cầu nhiều lần nhưng chị T chỉ mới trả được 1.240.500.000 đồng, còn nợ 1.265.500.000 đồng. Do đó, chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T phải trả cho bà số tiền còn lại là 1.265.500.000 đồng là có căn cứ, cần

được chấp nhận. Đề nghị: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, buộc chị T phải trả cho chị C số tiền gốc là 1.265.500.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị C về phần tiền lãi suốt do chị C đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: chị T là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: chị T là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã W, huyện L, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông là nơi bị đơn cư trú, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật đang có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung tranh chấp: Trong thời gian từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019 chị C có cho chị T vay tiền nhiều lần đã được nêu phần trên, bằng hình thức chuyển khoản và đưa trực tiếp bằng tiền mặt với tổng số tiền là 2.506.000.000đồng, trong thời gian vay tiền thì chị T có chuyển trả cho chị C nhiều lần cũng bằng hình thức chuyển khoản và đưa tiền mặt với tổng số tiền là 1.240.500.000đồng (trong đó chuyển khoản trả là 620.500.000đồng và trả tiền mặt là 620.000.000đồng), hiện chị T còn nợ chị C số tiền là 1.265.500.000đồng tiền gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T khai có vay tiền của chị C nhiều lần với tổng số tiền là 1.320.000.000đồng, chứ không vay tiền đến 2.506.000.000đồng như chị C khởi kiện, khi vay tiền chị T đều có viết giấy vay tiền đưa cho chị C, giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nợ nhưng hai bên có thỏa thuận bằng miệng là khi nào chị C cần tiền thì báo cho chị T, chị T sẽ chuyển trả cho chị C bằng mọi hình thức miễn là trả tiền theo yêu cầu của chị C. Tuy nhiên, chị T cho rằng đã trả cho chị C lên đến tổng số tiền là 1.830.000.000đồng (trong đó trả tiền mặt là 1.155.500.000đồng, chuyển khoản trả là 674.500.000đồng), nên chị T hiện nay không còn nợ tiền của chị C như yêu cầu khởi kiện.

[5]. Xét về yêu cầu khởi kiện của chị C, Hội đồng xét xử nhận định: Các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có việc vay tài sản nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt theo tài liệu nguyên đơn cung cấp, việc vay mượn tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện,

đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tại thời điểm giao dịch, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay tài sản bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

[6]. Tuy nhiên, các bên không thống nhất được số tiền vay và số tiền đã trả, cụ thể: Đối với số tiền chị C cho chị T vay nhiều lần tổng là 2.506.000.000đồng, chị C đã cung cấp hóa đơn chứng từ phù hợp với số tiền cho vay trong đó đưa tiền mặt có viết giấy tờ tay, cụ thể ngày 26-7-2019 chị T mượn 100.000.000đồng; ngày 22-9-2019 chị T mượn 100.000.000đồng; ngày 30-10-2019 chị T mượn 150.000.000đồng; ngày 05-11-2019 chị T mượn 200.000.000đồng; ngày 08-11-2019 chị T mượn 270.000.000đồng; ngày 16-12-2019 chị T mượn 500.000.000đồng và chuyển khoản thì được sao kê tại Ngân hàng, cụ thể ngày 01-7-2019 chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 (đứng tên T) số tiền 100.000.000đồng; ngày 09-7-2019 chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 số tiền 90.000.000đồng; ngày 22-7-2019 chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 số tiền 50.000.000đồng; ngày 30-7-2019 chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 (04 lần mỗi lần 25.000.000đ) số tiền 100.000.000đồng; ngày 5-8-2019 chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 số tiền 100.000.000đồng; ngày 21-8-2019 chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 số tiền 50.000.000đồng; ngày 18-9-2019 chị C có chuyển cho qua số tài khoản 63510000290181 số tiền 6.000.000đồng; ngày 10-10-2019 chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 số tiền 200.000.000đồng; ngày 11-10-2019 chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 số tiền 150.000.000đồng; ngày 01-11-2019 chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 số tiền 100.000.000đồng; ngày 16-11-2019 chị C có nhờ bà Th chuyển vào số tài khoản 63510000290181 số tiền 100.000.000đồng; ngày 20-11-2019 chị C chuyển khoản qua số tài khoản 63510000290181 số tiền 140.000.000đồng. Chị T không thừa nhận vay lên đến số tiền 2.506.000.000đồng, mà chỉ có vay số tiền của chị C là 1.320.000.000đồng theo giấy tờ viết tay, ngoài ra chị T không có vay thêm tiền của chị C nhưng không cung cấp giấy tờ gì để chứng minh cho sự phủ quyết của mình.

Đối với số tiền đã trả bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt nguyên đơn đã cung cấp hóa đơn chứng từ phù hợp: Số tiền chị T trả tiền mặt cho chị C là 620.000.000đồng, cụ thể như sau: Chị T trả cho chị C tại quán Cơm Quê, thị trấn Đ, huyện L là 300.000.000đồng; anh V (S) người nhà của bà T trả cho chị C số tiền 210.000.000đồng; chị T có nhờ người nhà là chị L trả cho chị C số tiền 25.000.000đồng; chị T có nhờ người là chị T trả cho chị C số tiền là 35.000.000đồng; chị T nhờ anh N trả cho chị C số tiền là 50.000.000đồng. Trả tiền hình thức chuyển khoản thông qua qua Ngân hàng là 620.500.000đồng, cụ thể ngày 17-7-2019 chị Thoa chuyển trả cho chị C số tiền 50.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (đứng tên C); ngày 25-7-2019 chị T chuyển trả cho chị C 03 lần tổng số tiền 146.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394; ngày 29-8-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 53.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (chuyển trả 02

lần); ngày 10-9-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 4.500.000đồng qua số tài khoản 5303205017394; ngày 29-10-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 118.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394 (chuyển trả 03 lần); ngày 5-11-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 102.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394; ngày 12-11-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 50.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394; ngày 26-11-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 50.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394; ngày 6-12-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 32.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394; ngày 14-12-2019 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 5.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394; ngày 27-02-2020 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 4.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394; ngày 5-3-2020 chị T chuyển trả cho chị C số tiền 6.000.000đồng qua số tài khoản 5303205017394. Tuy nhiên chị T thừa nhận có trả cho chị C nhưng không phải số tiền đã trả là 1.240.500.000đồng mà đã trả nhiều lần cho chị C lên đến tổng số tiền là 1.830.000.000đồng (trong đó trả tiền mặt là 1.155.500.000đồng, chuyển khoản trả là 674.500.000đồng), nhưng không cung cấp giấy tờ gì để chứng minh cho ý kiến của mình.

[7]. Về thời hạn trả nợ không được ghi trong các hợp đồng vay tiền, nhưng các bên có thỏa thuận bằng miệng là khi nào chị C cần tiền là báo cho chị T, trong vòng 10 đến 15 ngày thì chị T chuyển trả tiền cho chị C bằng mọi hình thức và mọi lúc, mọi nơi miễn sao trả tiền là được, đây là việc thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn, được quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự, cụ thể *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Ngày cuối cùng chị C cho chị T là ngày 16-12-2019 và ngày cuối cùng chị T trả tiền cho chị C là ngày 05-3-2020, sau ngày 05-3-2020 thì chị C nhiều lần đôn đốc, đòi nợ yêu cầu chị T phải trả số tiền còn lại nhưng chị T không đồng ý trả vì cho rằng đã trả hết tiền nợ cho chị C rồi nhưng không chứng minh được là đã trả hết tiền nợ cho chị C. Như vậy, chị T đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả nợ, theo quy định khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự, cụ thể *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

[8]. Quá trình giải quyết vụ án chị T thừa nhận số tài khoản 63510000290181 là của mình mở tại Ngân hàng A; số tài khoản 5303205017394 chị C thừa nhận là của chị được mở tại Ngân hàng B, như vậy phù hợp. Kết quả xác minh tại Ngân hàng A đối với số tiền giao dịch bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 5303205017394 đến số tài khoản 63510000290181 và ngược lại về thời gian, số tiền là phù hợp các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn yêu cầu cung cấp và Tòa án xác minh thu thập.

[9]. Nội dung vụ án có nhiều mâu thuẫn về số tiền, thời gian, hình thức cho vay và hình thức trả tiền, giữa các đương sự với nhau và giữa những người làm chứng với đương sự. Tuy nhiên, Tòa án không thể đối chất làm rõ được, bởi lẽ những người làm chứng đều đề nghị vắng mặt và bị đơn không có mặt tại phiên tòa

để đối chất làm rõ. Bị đơn phản đối yêu các yêu cầu của nguyên đơn nhưng không thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ ciệc dân sự theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ việc, theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự là nghĩa vụ chứng minh.

[10]. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị C đối với số tiền lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị C đối với số tiền lãi suất đã rút.

[11]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[12]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C đối với chị T. Buộc chị T phải trả cho chị C số tiền gốc là 1.265.500.000đồng.

[13]. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2020/QĐ-BPKCTT, ngày 19-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp bị hủy bỏ khi khi chị T trả cho chị C hết số tiền 1.265.500.000đồng.

[14]. Về án phí: Do yêu cầu của chị C được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại chị C số tiền 24.982.500đồng đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0003298 ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đăk Nông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C đối với chị T. Buộc chị T phải trả cho chị C số tiền gốc là 1.265.500.000đồng.

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng chị T còn phải trả cho chị C tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2020/QĐ-BPKCTT, ngày 19-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp bị hủy bỏ khi khi chị T trả cho chị C hết số tiền 1.265.500.000đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chị C đối với số tiền lãi suất.

4. Về án phí: Buộc chị T phải nộp 49.965.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đăk Nông. Hoàn trả lại chị C số tiền

24.982.500 đồng đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0003298 ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Nông.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện Đắk R’Lấp;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đoàn Công Tài